

Bản án số: **34/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/7/2021

V/v: “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Trục.

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Quang, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 187/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Vĩnh A, sinh năm 1980;

Địa chỉ: 199 Bờ Sông H, phường Phú C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1982;

Địa chỉ: 62B Lịch Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Trong đơn xin ly hôn và các lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vĩnh A trình bày: Chị A và anh Đ sau thời gian tìm hiểu được khoảng 03 năm thì tự nguyện đi đến hôn nhân đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 01/01/2005. Kể từ khi mới kết hôn, cuộc sống vợ chồng đã không hạnh phúc, vợ chồng thuê trọ để sống chung nhưng anh Đ không quan tâm chăm sóc vợ con, một mình Chị A nuôi con không hỗ trợ về kinh tế gia đình. Vợ chồng sống chung một thời gian ngắn thì anh rệu rề, cờ bạc thường xuyên đánh đập chị nhưng chị vẫn cố chịu đựng vì con. Mâu thuẫn trầm trọng bắt đầu từ năm 2019 anh Đ chuyển về nhà bố mẹ sống còn mẹ con Chị A về nhà bố mẹ chị. Hơn hai năm nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa, mỗi người đều có một cuộc sống riêng của mình. Nay tình cảm của chị đối với anh Đ không còn, mâu thuẫn

vợ chồng đã lâu, quá trầm trọng, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không đạt nên Chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Đ.

- Phía bị đơn - anh Trần Văn Đ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố H đã nhiều lần triệu tập anh Đ đến làm việc nhưng anh Đ không đến nên Tòa án không lấy được lời khai, cũng như công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố H đã đưa vụ án ra xét xử.

Về con chung: Chị A trình bày, chị và anh Đ có 01 người con chung là cháu Trần Nguyễn Anh Th, sinh ngày 12/12/2004. Nếu ly hôn, Chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thu đến khi trưởng thành. Chị A không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự: đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị Vĩnh A được ly hôn anh Trần Văn Đ.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Thị Vĩnh A và anh Trần Văn Đ có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Anh Th, sinh ngày 12/12/2004. Giao cháu Thu cho Chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị A khai không có nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị A khai không có nên không xem xét.

+ Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Vĩnh A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Vĩnh A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc xin ly hôn và nuôi con chung, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Trần Văn Đ hiện cư trú tại 62B Lịch Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố H căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Anh Đ đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vĩnh A và anh Trần Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hòa hợp anh Đ không quan tâm đến mẹ con chị còn hay đánh đập chị vô lý, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm của chị đối với anh Đ hiện nay cũng không còn nên Chị A tiếp tục làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Đức. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của Chị A, anh Đ đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của Chị A là chính đáng nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Vĩnh A và anh Trần Văn Đ có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Anh Th, sinh ngày 12/12/2004. Hiện nay cháu đang sống cùng Chị A. Xét thấy, Chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, cháu Thu cũng có đơn trình bày nguyện vọng là muốn ở với mẹ sau khi bố, mẹ ly hôn; anh Đ không đến làm việc và vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không biết ý kiến của anh Đ như thế nào về việc nuôi con chung sau ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho cháu thì cần giao cháu cho Chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị A không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ về tài sản: Không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Vĩnh A được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Anh Th, sinh ngày 12/12/2004 cho chị Nguyễn Thị Vĩnh A trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Trần Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Vĩnh A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nghĩa vụ về tài sản: Không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vĩnh A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/000521 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TP Huế;
- THADS TP Huế;
- UBND phường Phú C, thành phố H, TT Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hằng

